

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 04/2018/NQ-HĐND

Bắc Giang, ngày 11 tháng 7 năm 2018

NGHỊ QUYẾT

**Quy định chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với
những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn
và ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Bắc Giang**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG
KHOÁ XVIII, KỲ HỌP THỨ 5**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật dân quân tự vệ ngày 23 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Pháp lệnh Công an xã số 06/2008/PL-UBTVQH12 ngày 21 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 38/2006/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ về Bảo vệ dân phố;

Căn cứ Nghị định số 73/2009/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Công an xã;

Căn cứ Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về việc quy định số lượng chức danh, một số chế độ đối với cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;

Căn cứ Nghị định số 29/2013/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 03/2016/NĐ-CP ngày 05 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật Dân quân tự vệ;

Căn cứ Quyết định số 75/2009/QĐ-TTg ngày 11 tháng 5 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ quy định chế độ phụ cấp đối với nhân viên y tế thôn, bản;

Căn cứ Thông tư số 05/2008/TT-BYT ngày 14 tháng 5 năm 2008 của Bộ Y tế hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức bộ máy dân số - kế hoạch hóa gia đình ở địa phương;

Căn cứ Thông tư số 12/2010/TT-BCA ngày 08 tháng 4 năm 2010 của Bộ Công an hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh Công an xã và Nghị định số 73/2009/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 03/2010/TTLT-BNV-BTC-BLĐTB&XH ngày 27 tháng 5 năm 2010 của Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện Nghị định số 92/2009/NĐ-CP của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 102/2010/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BNV-BTC ngày 02 tháng 8 năm 2010 của Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Nội vụ và Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số chế độ, chính sách đối với dân quân tự vệ và việc lập dự toán, chấp hành và quyết toán ngân sách cho công tác dân quân tự vệ;

Xét Tờ trình số 115/TTr-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết quy định chức danh, số lượng, một số chế độ chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn và ở thôn, tổ dân phố và các chức danh khác hoạt động ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế HĐND tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Chức danh, số lượng, mức phụ cấp những người hoạt động không chuyên trách xã, phường, thị trấn (gọi chung là cấp xã)

1. Chức danh: Mỗi đơn vị cấp xã không quá 17 chức danh, gồm:

- a) Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận tổ quốc;
- b) Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh;
- c) Phó Chủ tịch Hội Nông dân (chỉ bố trí ở đơn vị có tổ chức Hội Nông dân);
- d) Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ;
- đ) Phó Bí thư Đoàn TNCS Hồ Chí Minh;
- e) Chủ tịch Hội Người cao tuổi;
- g) Trưởng ban Thanh tra nhân dân;
- h) Phó trưởng Công an (xã, thị trấn) hoặc Trưởng ban Bảo vệ dân phố (đối với phường);
- i) Chỉ huy phó Ban chỉ huy Quân sự;
- k) Thủ quỹ, văn thư, lưu trữ;
- l) Đài truyền thanh;
- m) Quản lý văn hóa, thông tin, thể thao;
- n) Chủ tịch Hội chữ thập đỏ;
- o) Phó Ban Tổ chức Đảng ủy;
- p) Phó Chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra Đảng ủy;
- q) Văn phòng Đảng ủy;

r) Công an viên (xã, thị trấn) hoặc Phó ban Bảo vệ dân phố (đối với phường).

2. Số lượng người hoạt động không chuyên trách:

a) Mỗi đơn vị cấp xã loại I, loại II bố trí không quá 09 người;

b) Mỗi đơn vị cấp xã loại III bố trí không quá 06 người.

3. Mức phụ cấp hằng tháng các chức danh (*bao gồm cả kinh phí đóng bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế*):

a) Đơn vị cấp xã loại I, II bằng 18,6 tháng lương cơ sở;

b) Đơn vị cấp xã loại III bằng 15,03 tháng lương cơ sở.

4. Mức phụ cấp mỗi chức danh:

a) Các chức danh hưởng hệ số 1,0 mức lương cơ sở gồm: Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc; Chủ tịch Hội Người cao tuổi; Trưởng ban Thanh tra nhân dân; Phó trưởng Công an đối với xã, thị trấn (Trưởng ban Bảo vệ dân phố đối với phường); Chỉ huy phó Ban chỉ huy Quân sự; Đài truyền thanh; Quản lý văn hóa, thông tin, thể thao; Chủ tịch Hội chữ thập đỏ; Văn phòng Đảng ủy.

b) Các chức danh hưởng hệ số 0,8 mức lương cơ sở gồm: Thủ quỹ, văn thư, lưu trữ; Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh; Phó Chủ tịch Hội Nông dân (chỉ bố trí ở đơn vị có tổ chức Hội Nông dân); Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ; Phó Bí thư Đoàn TNCS Hồ Chí Minh; Phó Ban Tổ chức Đảng ủy; Phó Chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra Đảng ủy; Công an viên đối với xã, thị trấn (Phó ban Bảo vệ dân phố đối với phường).

Điều 2. Chức danh, số lượng, mức phụ cấp những người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố

1. Chức danh: Mỗi thôn, tổ dân phố có 06 chức danh, gồm:

a) Bí thư chi bộ;

b) Trưởng thôn hoặc Tổ trưởng Tổ dân phố;

c) Phó thôn hoặc Tổ phó Tổ dân phố;

d) Công an viên (*ở thôn, tổ dân phố thuộc xã, thị trấn*) hoặc Bảo vệ dân phố (*đối với Tổ dân phố của phường thuộc thành phố Bắc Giang*);

đ) Thôn đội trưởng (hoặc Tổ đội trưởng đối với tổ dân phố);

e) Nhân viên Y tế.

2. Số lượng người hoạt động không chuyên trách: Mỗi thôn, tổ dân phố bố trí không quá 03 người.

3. Mức phụ cấp hằng tháng các chức danh (*bao gồm cả kinh phí đóng Bảo hiểm y tế đối với chức danh hoạt động không chuyên trách và thù lao trưởng đoàn thể*):

a) Thôn, tổ dân phố loại I bằng 6,21 tháng lương cơ sở;

b) Thôn, tổ dân phố loại II, III bằng 5,68 tháng lương cơ sở.

4. Mức phụ cấp mỗi chức danh:

- a) Các chức danh hưởng hệ số 1,0 mức lương cơ sở gồm: Bí thư chi bộ; Trưởng thôn ở thôn, tổ dân phố loại I;
- b) Các chức danh hưởng hệ số 0,8 mức lương cơ sở gồm: Bí thư chi bộ; Trưởng thôn ở thôn, tổ dân phố loại II, loại III; Công an viên; Bảo vệ dân phố;
- c) Các chức danh hưởng hệ số 0,6 mức lương cơ sở gồm: Phó thôn; Tổ phó tổ dân phố; Thôn đội trưởng; Tổ đội trưởng;
- d) Chức danh hưởng hệ số 0,5 mức lương cơ sở: Nhân viên y tế.

Điều 3. Chức danh, mức thù lao đối với Trưởng Ban công tác Mặt trận, Trưởng các đoàn thể và Cộng tác viên dân số - kế hoạch hóa gia đình ở thôn, tổ dân phố

1. Chức danh:

- a) Trưởng Ban công tác Mặt trận;
- b) Chi hội trưởng Chi hội Nông dân;
- c) Chi hội trưởng Chi hội Phụ nữ;
- d) Chi hội trưởng Chi hội Cựu chiến binh;
- đ) Chi hội trưởng Chi hội Người cao tuổi;
- e) Bí thư chi đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh;
- g) Cộng tác viên dân số - kế hoạch hóa gia đình.

2. Trên cơ sở mức phụ cấp hằng tháng các chức danh quy định tại Khoản 3 Điều 2, mức thù lao hằng tháng mỗi chức danh:

- a) Trưởng ban công tác mặt trận và chi hội trưởng đoàn thể ở thôn, tổ dân phố loại I hưởng hệ số 0,23 mức lương cơ sở; ở thôn, tổ dân phố loại II, loại III hưởng hệ số 0,21 mức lương cơ sở;
- b) Cộng tác viên dân số - kế hoạch hóa gia đình hưởng hệ số 0,15 mức lương cơ sở.

Điều 4. Mức phụ cấp kiêm nhiệm chức danh

1. Cán bộ chuyên trách, công chức cấp xã đảm nhiệm thêm không quá 01 chức danh không chuyên trách và được hưởng 50% phụ cấp của chức danh đảm nhiệm.

2. Người hoạt động không chuyên trách cấp xã đảm nhiệm thêm nhiệm vụ của 01 chức danh không chuyên trách khác thì được hưởng 100% phụ cấp của chức danh đảm nhiệm; nếu đảm nhiệm thêm nhiệm vụ của chức danh không chuyên trách khác nữa thì được hưởng thêm 50% phụ cấp của chức danh đảm nhiệm (một người hoạt động không chuyên trách được đảm nhiệm tối đa 3 chức danh).

3. Những người hoạt động không chuyên trách, Trưởng Ban công tác Mặt trận, trưởng đoàn thể ở thôn, tổ dân phố được kiêm nhiệm thêm không quá 2 chức danh khác, được hưởng 100% phụ cấp, thù lao của chức danh kiêm nhiệm.

Điều 5. Một số chế độ khác

1. Những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã được tham gia Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm Y tế theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội và Luật Bảo hiểm y tế.

2. Những người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố được tham gia Bảo hiểm y tế theo quy định của Luật Bảo hiểm y tế và được hưởng các chế độ khác theo quy định chính sách hiện hành của Nhà nước.

Điều 6. Nguồn kinh phí

1. Do ngân sách nhà nước bảo đảm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Nghị định số 29/2013/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ; Nghị định số 03/2016/NĐ-CP ngày 05 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật Dân quân tự vệ; Quyết định số 75/2009/QĐ-TTg ngày 11 tháng 5 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ quy định chế độ phụ cấp đối với nhân viên y tế thôn, bản và văn bản hiện hành của nhà nước.

2. Chuyển nhiệm vụ chi phụ cấp cho Nhân viên y tế thôn, bản, tổ dân phố từ ngân sách cấp tỉnh về ngân sách cấp xã.

3. Chuyển nhiệm vụ chi thù lao cho Cộng tác viên dân số - kế hoạch hóa gia đình ở thôn, tổ dân phố từ ngân sách cấp huyện về ngân sách cấp xã.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

Giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tiêu chuẩn, quy trình tuyển chọn, định hướng kiêm nhiệm các chức danh những người hoạt động không chuyên trách và triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Điều 8. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này thay thế các nghị quyết: Nghị quyết số 20/2009/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2009 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang về việc quy định chế độ bảo vệ dân phố ở các phường địa bàn thành phố Bắc Giang; Nghị quyết số 40/2010/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang về việc quy định chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn và ở thôn, tổ dân phố; Nghị quyết số 24/2012/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang về việc quy định chế độ thù lao đối với Trưởng ban công tác mặt trận và trưởng các đoàn thể ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; Nghị quyết số 23/2012/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang về việc quy định chế độ thù lao đối với cộng tác viên dân số - kế hoạch hóa gia đình ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn

tỉnh Bắc Giang; Nghị quyết số 31/2013/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 40/2010/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2010; Nghị quyết số 20/2009/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2009; Nghị quyết số 24/2012/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang khoá XVIII, Kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 11 tháng 7 năm 2018 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2019./.

CHỦ TỊCH

Bùi Văn Hải